TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **452**/2017/QĐST-HNGĐ

Long Biên, ngày 24 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN & SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số **533**/2017/TLST-VHNGĐ ngày 02/10/2017 về việc: ***Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*** giữa:

Người yêu cầu: Chị **Nguyễn Thị Thùy D** - sinh năm 1986

Trú tại: Số 17 ngõ 247 phố LD - phường BĐ - quận Long Biên - TP Hà Nội.

Anh **Trần Hoài N** - sinh năm 1983

Trú tại: Số 14 ngõ 69^{B} phố HVT - phường KM - quận Thanh Xuân - TP Hà Nội.

- Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số **326**/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/10/2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/10/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Trần Hoài N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Xác nhận chị D và anh N có 01 con chung là **Trần Thùy A** - sinh ngày 18/10/2009 (Nữ). Sau khi ly hôn, chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh N có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con cho chị D số tiền là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng chẵn*)/ tháng cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh N có quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

2.2. Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về lệ phí: Chị D và anh N mỗi người phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình. Chị D và anh N mỗi người đã nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) tiền tạm ứng lệ phí theo các Biên lai số **5957** và **5958** ngày 26/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên - TP Hà Nội. Nay được chuyển thành lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND Q. Long Biên;*
- *Chi cục THADS Q. Long Biên;*
- *UBND P. Dịch Vọng Hậu;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP./.*

Nguyễn Thị Phương Huyền